

Số: /BGDĐT-KHTC

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2026

V/v đăng tải dự thảo Nghị định trên  
Cổng thông tin điện tử của Chính phủ

Kính gửi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ

Thực hiện quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và Quyết định số 2835/QĐ-TTg ngày 31/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2026, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định quy định về miễn phí sử dụng sách giáo khoa giáo dục phổ thông và lộ trình miễn học phí, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh tại cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp (dự thảo và lời đề dẫn kèm theo).

Dự thảo Nghị định được xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn nhằm bảo đảm tiến độ theo yêu cầu của Chính phủ.

Để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Nghị định, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị Cổng Thông tin điện tử Chính phủ đăng tải dự thảo Nghị định nêu trên để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý. Do yêu cầu tiến độ cấp bách, đề nghị các ý kiến góp ý gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo **trước ngày 04 tháng 4 năm 2026**.

Ý kiến góp ý xin gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính, địa chỉ số 35 Đại Cồ Việt, phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội; email: [vukhtc@moet.gov.vn](mailto:vukhtc@moet.gov.vn)).

Bộ Giáo dục và Đào tạo trân trọng cảm ơn sự quan tâm, phối hợp của Quý cơ quan./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ Pháp chế (để p/h);
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC**



**Phạm Ngọc Thuởng**

## ĐỀ DẪN

Thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ và Kế hoạch công tác của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2026, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức xây dựng dự thảo Nghị định quy định về miễn phí sử dụng sách giáo khoa giáo dục phổ thông và lộ trình miễn học phí, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh tại cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

Dự thảo Nghị định được xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15.

Để bảo đảm việc ban hành Nghị định có chất lượng, khả thi và phù hợp với thực tiễn, Bộ Giáo dục và Đào tạo đăng tải dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Bộ để lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Do yêu cầu tiến độ cấp bách, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân nghiên cứu và gửi ý kiến góp ý về Bộ Giáo dục và Đào tạo **trước ngày 04 tháng 4 năm 2026**.

Các ý kiến góp ý xin gửi về:

Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, số 35 Đại Cồ Việt, phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội;

Email: [vukhtc@moet.gov.vn](mailto:vukhtc@moet.gov.vn)

Bộ Giáo dục và Đào tạo trân trọng cảm ơn sự phối hợp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân./.

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

## NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về miễn phí sách giáo khoa giáo dục phổ thông  
và lộ trình miễn học phí, giáo trình môn học giáo dục quốc phòng và an  
ninh tại cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 125/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 và Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 248/2025/QH15 của Quốc hội;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về miễn phí sách giáo khoa giáo dục phổ thông và lộ trình để miễn học phí, giáo trình môn học giáo dục quốc phòng và an ninh tại cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.*

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chính sách miễn phí sách giáo khoa đối với học sinh phổ thông và người học tại các cơ sở giáo dục (bao gồm công lập và ngoài công lập) thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông, Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Nghị định này quy định lộ trình thực hiện miễn học phí và miễn phí giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh đối với người học tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo).

3. Nghị định này quy định về:

- a) Hình thức cung cấp, mua sắm, quản lý, sử dụng, thu hồi và luân chuyển sách giáo khoa giữa các cơ sở giáo dục;
- b) Cơ chế tài chính, nguồn kinh phí, phân cấp thẩm quyền mua sắm và nguyên tắc bảo đảm ngân sách nhà nước để thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này;
- c) Trách nhiệm của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tổ chức thực hiện.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

- 1. Học sinh phổ thông và người học tại các cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là học sinh).
- 2. Giáo viên trực tiếp giảng dạy các môn học theo Chương trình giáo dục phổ thông, Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- 3. Học sinh, sinh viên đang học tại các cơ sở đào tạo có nội dung đào tạo môn Giáo dục quốc phòng và an ninh trong chương trình đào tạo (sau đây gọi chung là sinh viên).
- 4. Giảng viên trực tiếp tham gia giảng dạy môn Giáo dục quốc phòng và an ninh tại các cơ sở đào tạo và tại các Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh.

## **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1. “Sách giáo khoa, giáo trình”: Là tài liệu học tập, giảng dạy chính thức được sử dụng thống nhất trong các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo theo chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hoặc phê duyệt.
- 2. “Miễn phí sách giáo khoa”: Là việc Nhà nước bảo đảm ngân sách để trang bị sách giáo khoa và giao cho các cơ sở giáo dục quản lý, tổ chức cho người học mượn sử dụng mà không thu bất kỳ khoản phí nào.
- 3. “Miễn học phí môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh”: Là việc Nhà nước bảo đảm kinh phí cấp bù học phí trực tiếp cho các cơ sở đào tạo để người học không phải đóng học phí đối với môn học này theo định mức kinh tế - kỹ thuật quy định.
- 4. “Hao mòn tự nhiên” là tình trạng sách giáo khoa, giáo trình bị giảm chất lượng, hư hỏng hoặc rách nát về mặt vật lý do tác động của thời gian, điều kiện bảo quản và quá trình sử dụng bình thường trong hoạt động giảng dạy, học tập. Tình trạng này khiến tài liệu không còn đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật hoặc không thể tiếp tục sử dụng để phục vụ mục tiêu giáo dục mà không do lỗi cố ý hoặc vô ý từ phía người quản lý, học sinh, sinh viên.

5. “Bộ sách giáo khoa”: là tập hợp sách giáo khoa của các môn học, hoạt động giáo dục được sử dụng cho một lớp học hoặc cấp học theo danh mục đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## **Chương II**

### **MIỄN PHÍ SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**

#### **Điều 4. Nguyên tắc thực hiện**

1. Việc miễn phí sách giáo khoa cho học sinh được thực hiện bảo đảm đúng mục tiêu, đúng đối tượng, công bằng và thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

2. Chính sách miễn phí sách giáo khoa phải đảm tiết kiệm, hiệu quả trong sử dụng; áp dụng hình thức mượn - trả để tái sử dụng sách giáo khoa nhiều lần, ưu tiên tận dụng tối đa số lượng sách giáo khoa hiện có và điều tiết thông qua cơ chế liên thông thư viện giữa các cơ sở giáo dục trên cùng địa bàn trước khi quyết định mua sắm mới nhằm giảm áp lực lên ngân sách nhà nước và bảo vệ môi trường, hạn chế lãng phí và nâng cao hiệu quả quản lý tài sản công.

3. Việc mua sắm, quản lý và sử dụng sách giáo khoa phải tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu, giá và quản lý tài sản công, quy định về thư viện các cơ sở giáo dục và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Sách giáo khoa được mua sắm bằng ngân sách nhà nước là tài sản công. Cơ sở giáo dục và học sinh có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn; mọi hành vi làm thất thoát, hư hỏng do nguyên nhân chủ quan phải được bồi hoàn theo quy định của Nghị định này.

5. Toàn bộ quá trình lập dự toán, mua sắm, phân bổ, quản lý và luân chuyển sách giáo khoa phải được thực hiện công khai; tăng cường trách nhiệm giải trình của cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở giáo dục và sự giám sát của cộng đồng.

#### **Điều 5. Danh mục và số lượng Sách giáo khoa được miễn phí sử dụng**

1. Sách giáo khoa được miễn phí sử dụng trong Nghị định này thuộc danh mục sách giáo khoa được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định sử dụng thống nhất toàn quốc.

2. Vào đầu mỗi năm học hoặc học kỳ, mỗi học sinh được mượn 01 bộ sách giáo khoa đầy đủ các môn học tương ứng với chương trình giảng dạy tại lớp. Học sinh có nghĩa vụ hoàn trả bộ sách cho thư viện nhà trường quản lý sau khi kết thúc năm học hoặc học kỳ đó.

3. Mỗi giáo viên trực tiếp giảng dạy được mượn 01 bộ sách giáo khoa bao gồm đầy đủ các lớp trong toàn cấp học của môn học mình đảm nhiệm. Khi thôi tham gia giảng dạy tại cơ sở giáo dục, giáo viên phải thực hiện việc hoàn trả bộ sách cho thư viện theo quy định.

## **Điều 6. Quy định về quản lý, cung cấp, luân chuyển và thu hồi sách giáo khoa**

1. Quy trình quản lý sách giáo khoa tại thư viện phải tuân thủ đúng “Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông” do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Trước ngày 15 tháng 6 hằng năm, các cơ sở giáo dục phải hoàn thành việc tiếp nhận, nhập kho và kiểm kê số lượng sách giáo khoa bảo đảm đủ định mức theo nhu cầu sử dụng của năm học mới; cơ sở giáo dục cập nhật dữ liệu vào hệ thống quản lý thư viện, thực hiện dán nhãn, mã hóa và phân loại sách theo quy định để sẵn sàng cho học sinh mượn.

3. Luân chuyển sách giáo khoa theo cơ chế liên thông thư viện:

a) Cơ quan quản lý giáo dục địa phương căn cứ dữ liệu từ các cơ sở giáo dục để thực hiện điều tiết, luân chuyển sách giáo khoa giữa các thư viện cùng cấp trên địa bàn nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng;

b) Việc luân chuyển giữa các cơ sở giáo dục phải được thực hiện bằng biên bản giao nhận và cập nhật kịp thời vào hệ thống quản lý tài sản của đơn vị.

4. Giáo viên và học sinh mượn sách giáo khoa tại thư viện nhà trường vào đầu năm học hoặc đầu học kỳ; Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai giảng năm học mới hoặc đầu học kỳ; Việc bàn giao sách giáo khoa phải được ghi chép vào sổ theo dõi mượn - trả hoặc phần mềm quản lý, có xác nhận về số lượng và tình trạng vật lý của sách, ghi rõ tình trạng sách mới hoặc đã sử dụng tại thời điểm bàn giao.

5. Thu hồi và xử lý sau năm học:

a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc năm học hoặc khi học sinh chuyển trường, thôi học, học sinh có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số lượng sách giáo khoa đã mượn cho cơ sở giáo dục;

b) Cơ sở giáo dục tổ chức kiểm tra, đánh giá tình trạng sách thu hồi; thực hiện phân loại sách đủ điều kiện tiếp tục sử dụng, sách cần bảo quản, sửa chữa và sách đề nghị thanh lý theo quy định về quản lý tài sản công.

6. Đối với cơ sở giáo dục ngoài công lập

a) Quản lý, sử dụng sách giáo khoa được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đúng mục đích, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và phục vụ trực tiếp cho hoạt động dạy và học;

b) Khi không còn nhu cầu sử dụng sách giáo khoa, đơn vị phải tổng hợp và bàn giao lại sách giáo khoa cho cơ quan quản lý để điều tiết cho các cơ sở giáo dục khác sử dụng.

## **Điều 7. Hình thức thực hiện**

1. Nhà nước đầu tư mua sắm sách giáo khoa trang bị cho thư viện các cơ sở giáo dục để tổ chức cho học sinh mượn và trả sách sử dụng trong năm học hoặc học kỳ theo quy định của cơ sở giáo dục.

2. Cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm tổ chức cấp phát sách giáo khoa cho học sinh theo hình thức mượn và Trả sách có thời hạn; sau khi kết thúc thời gian sử dụng, sách giáo khoa được thu hồi, kiểm kê và bảo quản để tiếp tục sử dụng cho các năm học tiếp theo.

3. Việc quản lý sách giáo khoa được thực hiện thông qua hệ thống sổ đăng ký hoặc phần mềm quản lý thư viện; cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm kiểm kê định kỳ hằng năm để xác định số lượng sách còn sử dụng được và nhu cầu bổ sung.

4. Nhà nước khuyến khích việc phát triển sách giáo khoa điện tử và các hình thức cung cấp tài liệu học tập số nhằm hỗ trợ người học tiếp cận tài liệu học tập thuận lợi, phù hợp với xu hướng chuyển đổi số trong giáo dục hiện nay.

#### **Điều 8. Thời gian thực hiện**

1. Chính sách miễn phí sách giáo khoa cho học sinh chính thức áp dụng trên phạm vi cả nước từ năm học 2029 - 2030.

2. Đối với các địa phương có khả năng cân đối ngân sách được khuyến khích thực hiện chính sách miễn phí sách giáo khoa sớm hơn quy định tại khoản 1 Điều này; ưu tiên bố trí nguồn lực để triển khai trước đối với các địa bàn biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng ngân sách của địa phương.

3. Thời điểm cung cấp miễn phí sách giáo khoa tiếng dân tộc thiểu số thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ về việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số.

#### **Điều 9. Tổ chức mua sắm sách giáo khoa ban đầu**

1. Giá sách giáo khoa làm căn cứ để mua sắm được xác định theo giá bìa, nhưng không vượt quá mức giá tối đa do Nhà nước định giá. Căn cứ số lượng học sinh và nhu cầu sử dụng sách giáo khoa, các địa phương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch mua sắm ban đầu bảo đảm đủ sách giáo khoa phục vụ việc dạy và học trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện mua sắm hoặc phân cấp cho một cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật khác có liên quan, bảo đảm công khai, minh bạch; mua sắm đúng bộ sách giáo khoa đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt và phù hợp với điều kiện triển khai của từng địa phương.

3. Đối với cơ sở giáo dục trực thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, viện nghiên cứu, đại học, trường đại học:

a) Đối với cơ sở giáo dục trực thuộc các Bộ, ngành: Việc mua sắm sách giáo khoa do cơ sở giáo dục thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Đối với cơ sở giáo dục trực thuộc viện nghiên cứu, trường đại học: Việc mua sắm sách giáo khoa do viện nghiên cứu, trường đại học thực hiện hoặc phân cấp cho các cơ sở giáo dục thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Việc cung cấp sách giáo khoa tiếng dân tộc thiểu số đến các cơ sở giáo dục thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ về việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên.

### **Điều 10. Mua sắm bổ sung sách giáo khoa hàng năm**

Căn cứ số lượng học sinh, tình trạng sử dụng sách giáo khoa và nhu cầu thực tế tại các cơ sở giáo dục, Ngân sách nhà nước cấp bù hằng năm cho các trường để mua sắm bổ sung trong các trường hợp sau:

1. Thay thế số lượng sách bị hư hỏng do hao mòn tự nhiên trong quá trình sử dụng.

2. Mua sắm dự phòng đáp ứng sự gia tăng đột xuất về số lượng học sinh hoặc thay đổi danh mục sách theo lộ trình đổi mới chương trình, tỷ lệ dự phòng không vượt quá 5% tổng số sách giáo khoa hiện có đang sử dụng được trong thư viện.

3. Đối với các năm thay đổi sách giáo khoa theo chương trình mới, ngân sách nhà nước cấp 100% kinh phí mua sắm lần đầu.

4. . Mua sắm bổ sung đối với sách giáo khoa khi có sự cập nhật, chỉnh lý, tái bản do thay đổi yêu cầu chuyên môn, kỹ thuật hoặc điều kiện sử dụng.

5. Mua sắm bổ sung 100% số lượng sách giáo khoa trong các trường hợp thiên tai, hỏa hoạn và các trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

6. Việc mua sắm bổ sung sách giáo khoa phải bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với nhu cầu thực tế; khuyến khích việc bảo quản, sử dụng lại sách giáo khoa còn khả năng khai thác nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

### **Điều 11. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách**

1. Kinh phí thực hiện chính sách miễn phí sách giáo khoa quy định tại Nghị định này do ngân sách nhà nước bảo đảm và thực hiện chi trả theo quy định của pháp luật về phân cấp quản lý ngân sách.

2. Ngân sách trung ương hỗ trợ đối với các địa phương chưa cân đối được ngân sách để thực hiện chính sách miễn phí sách giáo khoa quy định tại Nghị định này theo quy định của pháp luật.

3. Khuyến khích và tiếp nhận các nguồn tài trợ, viện trợ và kinh phí xã hội hóa từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để hỗ trợ các cơ sở giáo dục mua sắm sách giáo khoa, trang bị cho thư viện trường học theo quy định của pháp luật.

### **Điều 12. Lập dự toán kinh phí thực hiện**

1. Đối với cơ sở giáo dục trực thuộc tỉnh, thành phố

a) Cơ sở giáo dục căn cứ số lượng học sinh thực tế, nhu cầu sử dụng và mức giá sách giáo khoa tại thời điểm lập dự toán để xây dựng dự toán kinh phí gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu (gọi chung là cấp xã) theo phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục tại địa phương;

b) Trên cơ sở báo cáo của cấp xã và Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính chủ trì tổng hợp, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt, bố trí ngân sách thực hiện.

2. Đối với cơ sở giáo dục trực thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, viện nghiên cứu, đại học, trường đại học

a) Cơ sở giáo dục căn cứ số lượng học sinh và mức giá sách giáo khoa tại thời điểm lập dự toán để xây dựng dự toán kinh phí báo cáo cơ quan chủ quản;

b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, viện nghiên cứu, đại học, trường đại học thẩm định, trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện theo quy định.

### **Điều 13. Phân bổ dự toán kinh phí**

a) Căn cứ quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trình Hội đồng nhân dân quyết định phân bổ kinh phí thực hiện chi trả miễn phí sách giáo khoa trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục đào tạo của địa phương theo chế độ quy định.

b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ quyết định phân bổ kinh phí miễn phí sách giáo khoa cho cơ sở giáo dục trực thuộc theo quy định.

### **Điều 14. Quản lý và quyết toán kinh phí**

1. Các cơ quan, đơn vị được giao kinh phí thực hiện miễn phí sách giáo khoa có trách nhiệm quản lý và sử dụng, quyết toán kinh phí đúng mục đích, đối tượng theo quy định của pháp luật.

2. Số liệu quyết toán kinh phí miễn phí sách giáo khoa được tổng hợp chung trong báo cáo quyết toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của đơn vị và được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn luật và mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

### Chương III

## MIỄN PHÍ GIÁO TRÌNH

## MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

#### **Điều 15. Nguyên tắc thực hiện**

1. Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh (sau đây gọi chung là giáo trình) do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn và thẩm định, được sử dụng thống nhất trong phạm vi cả nước.

2. Nhà nước thực hiện cung cấp giáo trình miễn phí cho sinh viên nhằm bảo đảm nguồn tài liệu chuẩn hóa, phục vụ kịp thời và đầy đủ cho công tác giảng dạy, học tập theo chương trình đào tạo đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

3. Việc cung cấp giáo trình phải bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với điều kiện tổ chức giảng dạy của các cơ sở đào tạo và các trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh.

4. Giáo trình được quản lý, sử dụng và tái sử dụng được thực hiện tương tự như quy trình đối với sách giáo khoa được quy định tại Điều 5, Điều 6 của Nghị định này, nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, hạn chế thất thoát và tránh lãng phí nguồn lực ngân sách nhà nước.

5. Nhà nước khuyến khích các cơ sở đào tạo và các trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh ưu tiên sử dụng giáo trình điện tử và học liệu số dùng chung; Việc triển khai giáo trình điện tử, học liệu số phải đảm bảo tính bảo mật theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh đồng thời tạo điều kiện cho người học tiếp cận tài liệu mọi lúc, mọi nơi trên các nền tảng số.

#### **Điều 16. Hình thức cung cấp giáo trình**

1. Nhà nước bảo đảm ngân sách mua sắm giáo trình để trang bị đồng bộ cho thư viện của các cơ sở đào tạo và trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh.

2. Cơ sở đào tạo thực hiện cấp phát giáo trình cho sinh viên dưới hình thức mượn - trả có thời hạn. Ngay sau khi kết thúc môn học hoặc đợt học tập tập trung, sinh viên có trách nhiệm hoàn trả giáo trình để nhà trường kiểm kê, bảo quản và tái sử dụng cho các khóa học kế tiếp.

3. Việc quản lý giáo trình được thực hiện thông qua hệ thống sổ đăng ký hoặc phần mềm quản lý thư viện; cơ sở đào tạo có trách nhiệm kiểm kê định kỳ hằng năm để xác định số lượng giáo trình còn sử dụng được và nhu cầu bổ sung.

#### **Điều 17. Thời gian thực hiện**

Từ năm học 2027 - 2028, thống nhất thực hiện miễn phí giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trên toàn quốc cho tất cả các đối tượng.

#### **Điều 18. Tổ chức mua sắm giáo trình ban đầu**

1. Giá giáo trình làm căn cứ lập dự toán và tổ chức mua sắm là giá bìa do đơn vị xuất bản kê khai, niêm yết hoặc giá do cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về giá tại thời điểm lập kế hoạch mua sắm.

2. Trách nhiệm tổ chức mua sắm

a) Cơ sở đào tạo có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức mua sắm giáo trình ban đầu để phục vụ nhu cầu mượn, học tập của người học theo quy mô đào tạo hằng năm của đơn vị;

b) Các Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức mua sắm giáo trình để trang bị cho đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý thuộc biên chế hoặc cơ cấu tổ chức của Trung tâm nhằm phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu.

3. Hình thức và nguyên tắc thực hiện:

a) Việc mua sắm giáo trình tại các đơn vị quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả;

b) Chỉ mua sắm các giáo trình đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt ban hành sử dụng thống nhất trong phạm vi cả nước;

c) Giáo trình sau khi mua sắm phải được quản lý theo chế độ tài sản công; thực hiện việc dán nhãn, mã hóa và cập nhật vào phần mềm quản lý thư viện hoặc sổ theo dõi tài sản của đơn vị.

**Điều 19. Mua sắm bổ sung giáo trình hằng năm**

1. Căn cứ số lượng người học, quy mô đào tạo và tình trạng sử dụng giáo trình, các cơ sở đào tạo tổ chức rà soát và xác định nhu cầu mua sắm bổ sung giáo trình để bảo đảm phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập.

2. Việc mua sắm bổ sung hằng năm được thực hiện trong các trường hợp được quy định tại Điều 10 của Nghị định này và áp dụng đối với giáo trình.

3. Việc mua sắm bổ sung giáo trình phải bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với nhu cầu thực tế của từng đơn vị; đồng thời tăng cường công tác quản lý, bảo quản và tái sử dụng giáo trình nhằm hạn chế thất thoát, lãng phí.

**Điều 20. Lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí**

1. Lập dự toán kinh phí:

a) Hằng năm, căn cứ vào kế hoạch đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh và số lượng giảng viên, các cơ sở đào tạo và Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh (bao gồm cả công lập và ngoài công lập) xác định nhu cầu kinh phí mua sắm giáo trình theo quy định tại Điều 18 Nghị định này;

b) Dự toán kinh phí được xác định theo nguyên tắc:

Đối với sinh viên: Kinh phí = (Số lượng người học thực tế  $\times$  Định mức giáo trình/người học  $\times$  Giá giáo trình);

Đối với giảng viên: Kinh phí = (Số lượng giảng viên thực tế  $\times$  Định mức giáo trình/giảng viên  $\times$  Giá giáo trình).

## 2. Phương thức hỗ trợ và giao dự toán:

a) Đối với cơ sở công lập: Kinh phí được giao trong dự toán ngân sách hằng năm của đơn vị;

b) Đối với cơ sở ngoài công lập: Nhà nước hỗ trợ kinh phí thông qua hình thức cấp phát hoặc đặt hàng dựa trên số lượng đối tượng thụ hưởng thực tế; hồ sơ và thủ tục thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

## 3. Thanh toán và quyết toán:

a) Kinh phí được thanh toán căn cứ vào số lượng người học thực tế, số lượng giảng viên thực tế, hợp đồng cung ứng và các hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật;

b) Việc quyết toán kinh phí mua sắm giáo trình thực hiện cùng với báo cáo quyết toán ngân sách hằng năm của đơn vị theo quy định hiện hành;

c) Các cơ sở đào tạo ngoài công lập có trách nhiệm báo cáo quyết toán phần kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ với cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp theo quy định hiện hành.

## 4. Quản lý kinh phí dư thừa và bổ sung:

a) Trường hợp kinh phí được giao lớn hơn nhu cầu thực tế (do số lượng người học hoặc giảng viên biến động giảm), đơn vị có trách nhiệm hoàn trả ngân sách nhà nước hoặc điều chuyển theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Trường hợp phát sinh nhu cầu cấp thiết do tăng quy mô đào tạo đột xuất, đơn vị lập dự toán bổ sung trình cơ quan quản lý xem xét, quyết định;

c) Các cơ sở đào tạo ngoài công lập phải mở sổ sách theo dõi riêng phần tài sản là giáo trình được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước và chịu sự thanh tra, kiểm tra về việc sử dụng nguồn kinh phí này.

# Chương IV

## MIỄN HỌC PHÍ MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

### Điều 21. Đối tượng và chính sách miễn học phí

1. Sinh viên học tại các cơ sở đào tạo không phải nộp học phí đối với môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh theo chương trình đào tạo bắt buộc do cơ quan có thẩm quyền quy định.

2. Nhà nước bảo đảm ngân sách cấp học phí môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trực tiếp cho các cơ sở đào tạo để thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh cho người học của đơn vị.

### **Điều 22. Lộ trình thực hiện**

1. Năm học 2026 - 2027: Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh làm căn cứ xác định mức kinh phí cấp trực tiếp cho các cơ sở giáo dục.

2. Từ năm học 2027 - 2028: Thực hiện cấp kinh phí và miễn học phí lần học thứ nhất thống nhất trên phạm vi toàn quốc cho tất cả các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định này.

### **Điều 23. Lập dự toán và cấp phát kinh phí**

1. Lập dự toán: Hằng năm, căn cứ vào quy mô sinh viên thực tế và định mức kinh tế - kỹ thuật, cơ sở đào tạo lập dự toán kinh phí cấp bù học phí môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh gửi cơ quan quản lý cấp trên để tổng hợp.

2. Cấp phát kinh phí: Ngân sách nhà nước thực hiện cấp dự toán hoặc hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho cơ sở đào tạo theo phân cấp quản lý ngân sách.

3. Đối với cơ sở giáo dục ngoài công lập: Nhà nước hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho cơ sở đào tạo theo số lượng sinh viên thực tế và định mức quy định để cơ sở thực hiện miễn học phí cho sinh viên.

4. Trường hợp học lại: sinh viên không hoàn thành khóa học (do thi không đạt, nghỉ học quá thời gian quy định hoặc các lý do chủ quan khác theo quy chế đào tạo) dẫn đến phải đăng ký học lại môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thì không được hưởng chính sách miễn học phí. Sinh viên có trách nhiệm tự chi trả học phí cho các lần học lại theo mức định mức kinh tế - kỹ thuật hoặc mức giá dịch vụ giáo dục do cơ quan có thẩm quyền quy định. Cơ sở giáo dục có trách nhiệm thu và quản lý khoản học phí học lại này theo quy định hiện hành về dịch vụ đào tạo.

### **Điều 24. Quản lý và sử dụng kinh phí tại cơ sở đào tạo**

1. Cơ sở giáo dục có trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được cấp để tổ chức giảng dạy môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh theo các hình thức:

a) Tự tổ chức giảng dạy tại đơn vị theo quy định;

b) Thanh toán phí đào tạo cho các Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh hoặc cơ sở đào tạo khác trong trường hợp liên kết, chuyển sinh viên đi học tập trung theo quy định của pháp luật.

c) Đối với sinh viên phải học lại, cơ sở đào tạo sử dụng nguồn thu từ sinh viên để chi trả cho đơn vị trực tiếp tổ chức giảng dạy.

2. Việc thanh toán giữa cơ sở đào tạo và đơn vị nhận đào tạo liên kết thực hiện trên cơ sở hợp đồng đào tạo, danh sách sinh viên thực tế và các quy định về giá dịch vụ giáo dục quốc phòng và an ninh.

#### **Điều 25. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo**

1. Thực hiện miễn học phí cho sinh viên ngay sau khi được ngân sách nhà nước cấp bù; không được thu thêm bất kỳ khoản phí nào liên quan đến học phí môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

2. Hạch toán, quản lý nguồn kinh phí cấp bù học phí môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh riêng biệt để phục vụ công tác thanh tra, quyết toán.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của số lượng sinh viên và tính hợp pháp của các hồ sơ quyết toán kinh phí.

#### **Điều 26. Quyết toán kinh phí**

1. Kết thúc năm học, cơ sở đào tạo thực hiện quyết toán kinh phí cấp bù học phí dựa trên số lượng sinh viên thực tế đã hoàn thành môn học và được cấp chứng chỉ hoặc xác nhận kết quả học tập.

2. Phần kinh phí dư thừa do sinh viên thôi học, bị đình chỉ học tập hoặc các lý do khác phải được hoàn trả ngân sách nhà nước hoặc khấu trừ vào dự toán năm tiếp theo theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

### **CHƯƠNG V**

### **QUẢN LÝ TÀI SẢN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 27. Quản lý, sử dụng và xử lý tài sản hư hỏng, mất mát**

1. Sách giáo khoa, giáo trình được mua sắm từ ngân sách nhà nước là tài sản công, được giao cho các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo, Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh quản lý và hạch toán theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo có trách nhiệm ban hành nội quy mượn, trả; chủ trì, phối hợp với gia đình, người giám hộ học sinh và học sinh trong việc bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa.

3. Trường hợp học sinh, sinh viên làm mất hoặc hư hỏng sách giáo khoa, giáo trình do nguyên nhân chủ quan, việc bồi hoàn được thực hiện theo một trong các hình thức sau:

a) Bồi hoàn bằng sách giáo khoa, giáo trình mới cùng loại, đúng danh mục và quy chuẩn kỹ thuật;

b) Bồi hoàn bằng tiền mặt:

Thu 100% giá trị theo giá bìa đối với sách, giáo trình có thời gian sử dụng dưới 01 năm;

Thu 50% giá trị theo giá bìa đối với sách, giáo trình đã qua sử dụng từ 01 năm trở lên.

4. Khoản tiền thu được từ việc bồi hoàn phải được đơn vị hạch toán riêng và sử dụng duy nhất cho mục đích mua sắm bổ sung, sửa chữa sách giáo khoa, giáo trình của thư viện; không được sử dụng vào các hoạt động khác của đơn vị.

5. Sách giáo khoa, giáo trình hư hỏng do hao mòn tự nhiên hoặc thay đổi chương trình đào tạo được cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo và trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh lập hội đồng kiểm kê, thực hiện thủ tục thanh lý và đề xuất mua sắm bổ sung theo quy định tại Điều 10, Điều 18 và Điều 20 của Nghị định này.

### **Điều 28. Các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Thu các khoản phí trái quy định liên quan đến việc sử dụng sách giáo khoa, giáo trình (bao gồm phí đặt cọc, phí bảo quản hoặc các khoản phí dịch vụ thư viện trái quy định).

2. Cung ứng sách giáo khoa, giáo trình không đúng danh mục được phê duyệt; không đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật hoặc cung ứng sách in lậu, sách giả.

3. Lập hồ sơ không về số lượng học sinh, sinh viên, danh mục sách hư hỏng, mất mát nhằm trục lợi ngân sách nhà nước hoặc thanh lý tài sản công trái quy định.

4. Thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý, lưu trữ dẫn đến thất thoát, lãng phí hoặc hư hỏng tài sản được giao.

### **Điều 29. Xử lý vi phạm**

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Người đứng đầu cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo, Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và cơ quan quản lý cấp trên nếu để xảy ra tình trạng thu phí sai quy định hoặc thất thoát tài sản tại đơn vị.

3. Đơn vị cung ứng sách giáo khoa, giáo trình có hành vi cung cấp hàng hóa không đúng quy chuẩn kỹ thuật hoặc vi phạm hợp đồng thì ngoài việc bồi thường thiệt hại, sẽ bị đình chỉ quyền tham gia cung ứng cho các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo trong thời hạn từ 01 đến 03 năm và công khai thông tin vi phạm trên cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **Chương VI**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 30. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

1. Chủ trì, tổ chức triển khai và hướng dẫn thực hiện Nghị định này trên phạm vi toàn quốc.
2. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành:
  - a) Danh mục sách giáo khoa, giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh sử dụng thống nhất trong hệ thống giáo dục quốc dân;
  - b) Tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức sử dụng, quy trình quản lý và luân chuyển sách giáo khoa, giáo trình liên thông giữa các thư viện;
  - c) Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh làm căn cứ xác định mức cấp bù học phí trực tiếp cho các cơ sở đào tạo.
3. Chủ trì biên soạn, thẩm định giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh; xây dựng và quản lý hệ thống phần mềm dữ liệu thư viện dùng chung để phục vụ cơ chế liên thông, điều tiết sách giáo khoa giữa các địa phương.
4. Tổng hợp dự toán kinh phí hằng năm; phối hợp với Bộ Tài chính thẩm định và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt ngân sách thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này.
5. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện; định kỳ hằng năm báo cáo Chính phủ tình hình triển khai và hiệu quả sử dụng sách giáo khoa, giáo trình.

#### **Điều 31. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính, tài sản công đối với sách giáo khoa và giáo trình được mua sắm từ ngân sách nhà nước.
2. Hướng dẫn chi tiết việc lập dự toán, phân bổ, quản lý và quyết toán kinh phí cấp bù học phí Giáo dục quốc phòng và an ninh cho các cơ sở đào tạo (bao gồm cả khối ngoài công lập) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.
3. Tổng hợp, bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm bảo đảm thực hiện đúng lộ trình miễn phí sử dụng sách giáo khoa, giáo trình và miễn học phí môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

#### **Điều 32. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an**

1. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc biên soạn, thẩm định giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bảo đảm tính cập nhật và đặc thù của lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

2. Chỉ đạo các Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh trực thuộc thực hiện việc giảng dạy, quản lý giáo trình trang bị cho giảng viên; phối hợp với các cơ sở đào tạo trong việc ký kết hợp đồng đào tạo liên kết và quyết toán kinh phí theo quy định.

**Điều 33. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ**

1. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý thực hiện nghiêm túc quy trình cung cấp, quản lý, thu hồi và luân chuyển tài sản theo quy định tại Nghị định này.

2. Tổng hợp dự toán kinh phí mua sắm sách giáo khoa, giáo trình và kinh phí cấp bù học phí của các đơn vị trực thuộc để gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính theo quy định.

**Điều 34. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố**

1. Chịu trách nhiệm toàn diện về việc tổ chức thực hiện chính sách tại địa phương; bảo đảm ngân sách địa phương và lồng ghép các nguồn lực hợp pháp khác để triển khai.

2. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn tổ chức điều tiết, luân chuyển sách giáo khoa giữa các cơ sở giáo dục cùng cấp trên địa bàn theo cơ chế liên thông thư viện nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng tài sản công.

3. Phê duyệt kế hoạch dự báo nhu cầu sách giáo khoa hằng năm trước ngày 30 tháng 10 để làm căn cứ lập dự toán; bảo đảm sách giáo khoa được nhập kho thư viện các cơ sở giáo dục chậm nhất vào ngày 15 tháng 6 hằng năm.

4. Tổ chức kiểm tra, thanh tra và xử lý nghiêm các hành vi thu phí trái quy định hoặc làm thất thoát sách giáo khoa, giáo trình trên địa bàn quản lý.

5. Quyết định hình thức mua sắm và phân cấp thẩm quyền mua sắm sách giáo khoa, giáo trình trên địa bàn. Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, UBND cấp tỉnh quyết định việc tổ chức mua sắm tập trung hoặc phân cấp cho sở giáo dục và đào tạo, cấp xã, cơ sở giáo dục thực hiện mua sắm sách giáo khoa bảo đảm tính công khai, minh bạch và tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu;

**Điều 35. Điều khoản chuyển tiếp và hiệu lực thi hành**

1. Trường hợp các chính sách hỗ trợ hiện hành có nội dung trùng lặp với Nghị định này, người học được hưởng chính sách có lợi nhất. Các địa phương đang thực hiện chính sách riêng bằng ngân sách địa phương được tiếp tục thực hiện nhưng không được thấp hơn mức hỗ trợ quy định tại Nghị định này.

2. Các cơ sở giáo dục đã thu học phí môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh hoặc các khoản phí liên quan đến mượn sách giáo khoa thuộc diện được miễn

kể từ ngày Nghị định có hiệu lực phải hoàn trả cho người học trong kỳ học gần nhất.

3. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ  
KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Lê Thành Long**